

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT 2015



Căn cứ Luật doanh nghiệp của nước CHXHCN Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam (VINATRANS);

- Nghị quyết ĐHĐCĐ lần 6 năm 2015;

Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam (VINATRANS) trân trọng báo cáo Đại hội Đồng Cổ Đông kết quả kiểm tra, giám sát năm 2015 như sau :

I. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát

- Trong năm Ban Kiểm Soát đã thực hiện báo cáo kiểm soát hàng quý theo đúng quy định của Điều lệ Công Ty, đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh trong quý, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản trị hợp hàng quý.

- Thẩm định báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2015, BCTC năm 2015.
- Trưởng ban tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT.

II. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính :

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 được lập bởi Tổng Giám Đốc và được công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán (AASC) thực hiện kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty VINATRANS và báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Mục đích báo cáo tài chính hợp nhất: giúp nhà đầu tư đánh giá cơ hội tài chính và rủi ro tiềm tàng của Công ty mẹ.

Kết quả kiểm toán như sau:

1. Báo cáo tài chính (BCTC):

- Báo cáo tài chính của Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ, tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác. Các báo cáo tài chính cũng được công bố tới các cổ đông một cách kịp thời theo các quy định hiện hành.

- Tổ chức hạch toán kế toán: Công ty đã thực hiện việc hạch toán và mở sổ sách kế toán phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành.

- Do những thay đổi về chính sách của Nhà nước đối với hoạt động giao nhận quốc tế, đối tác KUEHNE & NAGEL đã thành lập Công ty TNHH KUEHNE & NAGEL tại Việt Nam và đã hoạt động chính thức vào tháng 12/2014, điều này đã gây những ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của công ty trong năm 2015.

1.1. Tình hình biến động tài sản, nguồn vốn

- Trong năm 2015, Công ty đã đạt các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sau :

S T T	Khoản mục	2015	2014	Tăng/giảm		Tỷ trọng /Tổng TS, NV
				Giá trị	Tỷ lệ	
A	TÀI SẢN	344,347,407,241	415,691,497,207	(71,344,089,966)	-17.16%	
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	240,141,135,768	260,433,238,459	(20,292,102,691)	-7.79%	69.74%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	51,847,674,901	75,568,112,832	(23,720,437,931)	-31.39%	15.06%
	Tiền	19,847,674,901	62,466,032,832	(42,618,357,931)	-68.23%	5.76%
	Các khoản tương đương tiền	32,000,000,000	13,102,080,000	18,897,920,000	144.24%	9.29%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	71,286,206,908	23,864,081,750	47,422,125,158	198.72%	20.70%
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	71,286,206,908	23,864,081,750	47,422,125,158	198.72%	20.70%
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	116,858,086,600	156,716,459,644	(39,858,373,044)	-25.43%	33.94%
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	57,873,864,344	77,153,757,742	(19,279,893,398)	-24.99%	16.81%
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	16,347,328,712	36,134,978,181	(19,787,649,469)	-54.76%	4.75%
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	39,000,000,000	40,000,000,000	(1,000,000,000)	-2.50%	11.33%
	Phải thu ngắn hạn khác	3,963,905,442	3,681,767,496	282,137,946	7.66%	1.15%
	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(327,011,898)	(254,043,775)	(72,968,123)	28.72%	-0.09%
4	Hàng tồn kho	-	2,974,014,970	(2,974,014,970)	-100.00%	0.00%
5	Tài sản ngắn hạn khác	149,167,359	1,310,569,263	(1,161,401,904)	-88.62%	0.04%
	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	51,940,453	(51,940,453)	-100.00%	0.00%
	Thuê GTGT được khấu trừ	149,167,359	1,258,628,810	(1,109,461,451)	-88.15%	0.04%
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	104,206,271,473	155,258,258,748	(51,051,987,275)	-32.88%	30.26%
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	884,046,430	(884,046,430)	-100.00%	0.00%
2	Tài sản cố định	22,315,020,953	23,686,139,213	(1,371,118,260)	-5.79%	6.48%
	Tài sản cố định hữu hình	12,539,737,174	13,885,245,610	(1,345,508,436)	-9.69%	3.64%
	- Nguyên giá	23,893,807,886	23,893,807,886	-	0.00%	6.94%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(11,354,070,712)	(10,008,562,276)	(1,345,508,436)	13.44%	-3.30%
	Tài sản cố định vô hình	9,775,283,779	9,800,893,603	(25,609,824)	-0.26%	2.84%
	- Nguyên giá	9,911,978,000	9,911,978,000	-	0.00%	2.88%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(136,694,221)	(111,084,397)	(25,609,824)	23.05%	-0.04%
3	Đầu tư tài chính dài hạn	81,666,675,898	130,490,500,406	(48,823,824,508)	-37.42%	23.72%
	Đầu tư vào công ty con	17,947,700,000	17,947,700,000	-	0.00%	5.21%
	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	28,576,942,740	33,476,942,740	(4,900,000,000)	-14.64%	8.30%
	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30,808,434,258	30,708,434,258	100,000,000	0.33%	8.95%
	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(666,401,100)	(468,783,500)	(197,617,600)	42.16%	-0.19%
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5,000,000,000	48,826,206,908	(43,826,206,908)	-89.76%	1.45%
4	Tài sản dài hạn khác	224,574,622	197,572,699	27,001,923	13.67%	0.07%
B	NGUỒN VỐN	344,347,407,241	415,691,497,207	(71,344,089,966)	-17.16%	100.00%
I	NỢ PHẢI TRẢ	62,161,929,233	131,011,587,989	(68,849,658,756)	-52.55%	18.05%
1	Nợ ngắn hạn	61,928,029,633	130,937,337,989	(69,009,308,356)	-52.70%	17.98%
	Phải trả người bán ngắn hạn	36,278,685,175	68,916,571,651	(32,637,886,476)	-47.36%	10.54%
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	250,000,000	(250,000,000)	-100.00%	0.00%
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1,535,505,932	2,793,675,810	(1,258,169,878)	-45.04%	0.45%
	Phải trả người lao động	14,729,876,798	17,622,478,964	(2,892,602,166)	-16.41%	4.28%
	Chi phí phải trả ngắn hạn	1,280,427,840	1,742,183,890	(461,756,050)	-26.50%	0.37%
	Phải trả ngắn hạn khác	1,170,496,621	33,513,158,727	(32,342,662,106)	-96.51%	0.34%
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	6,933,037,267	6,099,268,947	833,768,320	13.67%	2.01%
2	Nợ dài hạn	233,899,600	74,250,000	159,649,600	215.02%	0.07%
	Phải trả dài hạn khác	233,899,600	74,250,000	159,649,600	215.02%	0.07%
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	282,185,478,008	284,679,909,218	(2,494,431,210)	-0.88%	81.95%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	255,000,000,000	255,000,000,000	-	0.00%	74.05%
2	Vốn khác của chủ sở hữu	136,193,960	136,193,960	-	0.00%	0.04%
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27,049,284,048	29,543,715,258	(2,494,431,210)	-8.44%	7.86%
	LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	1,880,024,258	405,765,568	1,474,258,690	363.33%	0.55%
	LNST chưa PP năm nay	25,169,259,790	29,137,949,690	(3,968,689,900)	-13.62%	7.31%

Với số liệu trên, Ban Kiểm soát lưu ý một số điểm nổi bật trong năm như sau :

- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 39,8 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn khách hàng giảm 19,2 tỷ đồng, nguyên nhân khách quan do giảm các khoản phải thu khách hàng của đại lý

Kunehe Nagel, bên cạnh đó, công ty cũng đã có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ và tích cực trong việc thu đòi công nợ.

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết giảm do trong năm, Công ty thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư tương ứng với 48% vốn điều lệ của Công ty TNHH Logistics Sojitz cho Sojitz Logistics Corporation. Theo đó, sau khi chuyển nhượng Công ty chỉ còn nắm giữ 1% vốn điều lệ của Công ty TNHH Logistics Sojitz và khoản đầu tư này chuyển sang theo dõi tại khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2015 công ty TNHH Logistics Sojitz chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng vốn này, do vậy giá trị 48% vốn điều lệ của Công ty TNHH Logistics Sojitz được trình bày ở khoản mục "Đầu tư tài chính ngắn hạn, chi tiết: Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" trên Bảng cân đối kế toán.
- Thực hiện theo hướng dẫn của thông tư 200/2014/TT-BTC, công ty thực hiện điều chỉnh phần lợi nhuận đã sử dụng để đánh giá lại khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã ghi nhận vào doanh thu tài chính năm trước sang ghi giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và ghi giảm lợi nhuận sau thuế kỳ trước chưa phân phối, số tiền là 1.382.869.393 đồng.
- **Đầu tư mua sắm tài sản cố định:** Chưa thực hiện đầu tư mua sắm thêm phương tiện vận tải phục vụ kinh doanh như trong kế hoạch 2015 và dự kiến chuyển khoản đầu tư này sang năm 2016

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả kinh doanh của riêng Công ty mẹ (Theo BCTC của Công ty mẹ)

	CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014	Tăng/giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	427,749,019,355	1,008,130,439,527	(580,381,420,172)	-57.57%
2	Giá vốn hàng bán	406,155,796,450	974,592,295,435	(568,436,498,985)	-58.33%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21,593,222,905	33,538,144,092	(11,944,921,187)	-35.62%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	21,991,058,263	17,745,180,204	4,245,878,059	23.93%
5	Chi phí tài chính	1,372,461,297	(805,272,903)	2,177,734,200	-270.43%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	-	-	-	
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13,814,624,504	17,311,263,488	(3,496,638,984)	-20.20%
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	28,397,195,367	34,777,333,711	(6,380,138,344)	-18.35%
8	Thu nhập khác	1,662,601,820	1,981,174,679	(318,572,859)	-16.08%
9	Chi phí khác	8,792,051	101,324,493	(92,532,442)	-91.32%
10	Lợi nhuận khác	1,653,809,769	1,879,850,186	(226,040,417)	-12.02%
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30,051,005,136	36,657,183,897	(6,606,178,761)	-18.02%
12	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4,881,745,346	7,519,234,207	(2,637,488,861)	-35.08%
13	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25,169,259,790	29,137,949,690	(3,968,689,900)	-13.62%

- Căn cứ vào số liệu trên, doanh thu và lợi nhuận trong năm giảm mạnh nguyên nhân là do đối tác Kuehne & Nagel chấm dứt hợp đồng đại lý.
- Phần doanh thu tài chính năm 2015 tăng 4,2 tỷ đồng, chủ yếu do các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia tăng đột biến: Nissin tăng 2.6 tỷ, Vector tăng 2 tỷ, Vtruck tăng 925 triệu...
- Các khoản lãi tiền cho vay, tiền gửi giảm do các ngân hàng giảm lãi suất, TCT Thép trả bớt 25 tỷ đồng.
- Chi phí tài chính tăng 2,1 tỷ do trong năm 2014 công ty có phát sinh khoản hoàn nhập dự phòng tài chính 2,1 tỷ đồng. Nếu loại bỏ yếu tố hoàn nhập dự phòng tài chính của 2014, thì chi phí tài chính của năm 2015 không biến động.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm chủ yếu do công ty đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, bên cạnh đó công ty đã thay đổi khung khấu hao TSCĐ, việc thay đổi khung khấu hao phù hợp với quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC.
- Thu nhập khác là khoản thu nhập từ dịch vụ quản lý thông tin là 1,3 tỷ đồng.

2. Kết quả giám sát từ các hoạt động đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

2.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty con

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014	Tăng / Giảm	Tỷ lệ
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	54,697,920,993	54,550,299,303	147,621,690	0.27%
2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,144,279,071	3,149,679,225	1,994,599,846	63.33%
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6,596,645,492	3,699,799,669	2,896,845,823	78.30%
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>2,619,799,669</i>	<i>1,310,813,024</i>	<i>1,308,986,645</i>	<i>99.86%</i>
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>3,976,845,823</i>	<i>2,388,986,645</i>	<i>1,587,859,178</i>	<i>66.47%</i>
4 Vốn góp của chủ sở hữu	19,400,000,000	19,400,000,000	-	0.00%
<i>Vốn góp của công ty</i>	<i>17,947,700,000</i>	<i>17,947,700,000</i>	-	<i>0.00%</i>
5 Tỷ lệ lãi / vốn	20.50%	12.31%		4.13%

- Trong năm, công ty con tiếp tục hoạt động có hiệu quả cao, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

- Kết quả kinh doanh của công ty con tăng mạnh bên cạnh yếu tố khách quan do lợi thế về giá nhiên liệu giảm còn phải kể đến các yếu tố chủ quan: công ty con đã phát triển thêm được một số khách hàng mới, khai thác có hiệu quả các tuyến vận chuyển...

- Các hoạt động liên quan đến an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được kiểm soát chặt chẽ hơn, hệ thống định vị được khai thác tốt từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ, tiết kiệm các khoản chi phí...

2.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất :

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014	Tăng / giảm	Tỷ lệ
1 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	59,041,019,328	54,139,025,739	4,901,993,589	9.05%
<i>Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>29,626,318,226</i>	<i>16,412,792,223</i>	<i>13,213,526,003</i>	<i>80.51%</i>
2 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52,991,840,734	45,859,098,952	7,132,741,782	15.55%
3 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	52,774,980,467	45,680,257,441	7,094,723,026	15.53%
4 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	216,860,267	178,841,511		
5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,070	1,791		

- Năm 2015, các công ty liên doanh, liên kết đều hoạt động có hiệu quả, các chỉ đều tăng so với năm trước, nhờ đó đã mang lại các khoản lãi đáng kể từ đầu tư tài chính.

2.3. Một số vấn đề khác:

- Trong năm, công ty đã thực hiện quyết toán thuế 2014, theo kết quả quyết toán thuế, công ty phải nộp thêm số tiền thuế truy thu là 37.311.000đ, với kết quả này BKS đánh giá cao tính tuân thủ theo pháp luật thuế trong công tác hạch toán kế toán tài chính của công ty.

III. So sánh mức độ hoàn thành kế hoạch

Stt	Chỉ tiêu (đvt : tỷ đồng)	KH 2015	Thực hiện 2015	% TH/KH
1	Doanh thu	385.00	427.75	111.10%
2	Lợi nhuận trước thuế	30.00	30.05	100.17%
3	Lợi nhuận sau thuế	24.00	25.17	104.88%
4	Chi cổ tức	800 đ/cp	800 đ/cp	

IV. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý :

- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và BGD đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành công ty. Trước những khó khăn chung của ngành vận tải, tình hình cạnh tranh gay gắt về nguồn nhân lực nhưng Công ty vẫn giữ vững và ổn định các nhân sự chủ chốt, vẫn hoạt động kinh doanh có lãi, đó là nhờ sự nỗ lực của Ban lãnh đạo & tập thể CBCNV trong công ty.

- Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp hàng quý và thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai nghị quyết của đại hội cổ đông; thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công Ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

- HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.

V. Các đề xuất và kiến nghị

- Công ty nghiên cứu và triển khai phần mềm kế toán mới kết nối dữ liệu nghiệp vụ, quản lý và dữ liệu kế toán, có tính tương thích cao, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý về mặt kinh doanh, hạch toán kế toán tài chính, rút ngắn thời gian báo cáo.

- Trong năm 2015, giá thuê đất các khu đất 1650-1652 Phạm Thế Hiển, 102 Nguyễn Văn Cừ tăng gấp 4 lần so với trước đây, do đó đề nghị công ty có các biện pháp khai thác hiệu quả các khu đất phù hợp với quy định của Tp.HCM.

- Đề nghị định kỳ rà soát lại các khoản định mức chi phí làm hàng phù hợp với tình hình thực tế, nhằm tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

VI. Kế hoạch hoạt động năm 2016

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định trong điều lệ tổ chức hoạt động của Công Ty và tiếp tục thực hiện chương trình công tác đã ban hành, cụ thể:

- Giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Ban giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2016

- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2016 của Công Ty.

Báo cáo này đã được tất cả các thành viên ban Kiểm Soát nhất trí thông qua, kính trình Đại Hội đồng cổ đông.

TM. BAN KIỂM SOÁT



VŨ THỊ BÌNH NGUYỄN